

Bản án số: 14/2018/HNGĐ- ST
Ngày 06/3/2018
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị L và anh P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/4/2000 tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh P ở thôn T, xã B, huyện K. Vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, không khí gia đình căng thẳng. Từ năm 2013, chị L đi lao động tại Ma Cao - Trung Quốc thì vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh P ở nhà không chịu khó làm ăn mà sa vào chơi bời, sống buông thả. Chị L và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P không chịu thay đổi. Tháng 6/2017 chị L về nước, vợ chồng sống với nhau nhưng hay cãi nhau, anh P đuổi chị ra khỏi nhà, đốt quần áo của chị. Từ tháng 10/2017, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/3/2001 và Nguyễn Việt K, sinh ngày 21/01/2009. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, đề nghị giao cháu Nguyễn Việt K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như nguyên đơn trình bày. Anh P xác định vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013, chị L đi lao động tự do tại Ma Cao - Trung Quốc không qua môi giới đến tháng 6/2017 chị L về nước nhưng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng với nhau, chị L về ở nhà bố mẹ đẻ, anh chị không quan tâm chăm sóc nhau. Sau nhiều lần gặp gỡ đồng ý nhưng chị L không đồng ý về đoàn tụ, anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh P xác định vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày. Khi ly hôn, anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt K, giao cháu Nguyễn Phương A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh P; về quan hệ con chung: Xử giao cháu Nguyễn Phương A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Việt K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức P có nơi cư trú tại huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị

L là nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P đăng ký kết hôn ngày 10/4/2000 tại UBND xã B, huyện K trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian dài sống chung hòa thuận, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị có khác biệt lớn về quan điểm sống. Năm 2013, chị L đi lao động tại Ma Cao - Trung Quốc đến tháng 6/2017 về nước. Từ khi chị L về nước, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị L về sống tại nhà bố mẹ đẻ, không sống chung cùng anh P. Cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, chị L xin ly hôn, anh P đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phương A, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Việt K. Các con chung của anh chị đều trên 07 tuổi, cháu Phương A có nguyện vọng sống cùng chị L, cháu Việt K có nguyện vọng sống cùng anh P. Yêu cầu của anh chị về việc giao nuôi con chung phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị, đảm bảo quyền lợi của các con và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung trên 07 tuổi. Do anh chị vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Phương A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Việt K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị L ly hôn anh Nguyễn Đức P.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/3/2001 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Việt K, sinh ngày 21/01/2009 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001367 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, chị L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: TA, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu